

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Cil Pam Ha Lan
- Bà Bùi Thị Là
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Rung K’ Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Yên- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng (cơ sở 2), Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lâm Đồng. Giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông **Vũ Văn S**; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn C L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Bà **Vũ Thị T**; Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Phú Thọ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – ông Vũ Văn S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:**

Ông và bà T kết hôn với nhau vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ (cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông bà kết hôn trên tinh thần tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã L, huyện Đ, thời gian đầu cả hai chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn. Đến đầu năm 2024 thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không cùng chí hướng, không quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm khoảng cách. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình

cảm vợ chồng không còn, nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Vũ Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Theo bản tự khai, đơn trình bày của bị đơn – bà Vũ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thì:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông S một thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, đến ngày 24/7/2023 kết hôn và được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn C, xã L, huyện Đ. Ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng được 06 tháng, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung, nên bà đã về huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý.

* Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình 64/2025/TB-TLVA ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Do bà ở xa, không thể đến trực tiếp làm việc tại Tòa án được. Vì vậy, bà đã làm đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đam Rông là nơi giải quyết vụ án và đã trình bày toàn bộ nguyện vọng, ý kiến của bà về quan hệ hôn nhân với ông S và bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

Do bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngày 24/6/2025 Tòa án đã ra Thông báo không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo danh sách, tài liệu của các bên xuất trình có trong hồ sơ vụ án và gợi ý cho bị đơn bà Vũ Thị T, bà T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã cơ bản chấp hành quy định của pháp luật.

Về đường lối xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ông Vũ Văn S được ly hôn với bà Vũ Thị T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến. Về án phí: ông Vũ Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: [1] **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Xuất phát từ việc mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, hiện nay ông Vũ Văn S và bà Vũ Thị T đã không còn chung sống với nhau nữa. Ông Vũ Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà T có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cũ nay là thôn B, xã B, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu Tòa án nơi nguyên đơn ông S cư trú giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 -Lâm Đồng.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Vũ Văn S và bà Vũ Thị T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ) theo đúng quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân ông S và bà T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc như mong muốn, nhiều mâu thuẫn phát sinh đến mức không thể hòa giải được, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút nghiêm trọng, không thể cứu vãn được nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đồng thời, bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T có yêu cầu ly hôn với bà và bà đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vũ Văn S là có căn cứ.

[4] **Về con chung, tài sản chung và nợ chung:** Không có, các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn S nên buộc ông Vũ Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 53 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Vũ Văn S và bà Vũ Thị T được ly hôn.
2. **Về án phí:** Ông Vũ Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp trước theo biên lai thu tiền số 0006383 ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng), ông Vũ Văn S đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2025) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm, riêng bị đơn vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Đam Rông 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng

